

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 38

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**CÔNG TY**

Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Ngữ	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Đáng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 03/4/2025)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



*Nguyễn Văn Cường*

**Nguyễn Văn Cường**

**Tổng Giám đốc**

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/GUQ-SDC ngày 03/6/2025 của Chủ tịch HĐQT  
Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 247/2025/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi:**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ**

Chúng tôi thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ được lập ngày 28/8/2025, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cổ phần SADICO Cần Thơ tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 lần lượt đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác và Công ty kiểm toán khác, với kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vào ngày 28/8/2024 và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng vào ngày 26/3/2025.



---

**Lưu Minh Tới****Phó Giám đốc Phụ trách Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 06/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>150.238.031.752</b>	<b>143.926.095.871</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>2.433.679.820</b>	<b>2.258.246.987</b>
1. Tiền	111		2.433.679.820	2.258.246.987
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		31.000.000.000	31.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.320.575.338</b>	<b>62.837.719.395</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	63.313.016.816	68.120.116.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3.234.323.284	936.681.707
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.643.361.734	3.651.047.242
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(9.870.126.496)	(9.870.126.496)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>52.427.627.747</b>	<b>44.389.079.259</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.427.627.747	44.389.079.259
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.056.148.847</b>	<b>3.441.050.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	973.475.850	576.261.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.041.365.691	2.864.788.505
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	41.307.306	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>151.788.461.190</b>	<b>156.940.814.207</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>89.714.539.582</b>	<b>95.634.417.652</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	89.714.539.582	95.634.417.652
- Nguyên giá	222		237.410.010.305	237.358.010.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.695.470.723)	(141.723.592.653)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		99.856.000	99.856.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.856.000)	(99.856.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.173.994.626</b>	<b>204.493.918</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.173.994.626	204.493.918
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>57.485.335.162</b>	<b>57.485.335.162</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		53.251.820.004	53.251.820.004
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.233.515.158	4.233.515.158
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.414.591.820</b>	<b>3.616.567.475</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.837.651.145	2.960.047.322
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		576.940.675	656.520.153
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>302.026.492.942</b>	<b>300.866.910.078</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>94.667.925.242</b>	<b>93.281.897.316</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.667.925.242</b>	<b>92.470.897.316</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.236.267.889	9.363.191.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		209.520.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	297.122.929	72.329.062
4. Phải trả người lao động	314		3.432.024.205	5.259.381.772
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	536.663.219	1.023.538.299
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	569.276.965	324.225.945
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	73.663.125.299	68.531.742.867
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.723.924.736	7.896.488.050
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>811.000.000</b>
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	811.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410)	<b>400</b>		<b>207.358.567.700</b>	<b>207.585.012.762</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>207.358.567.700</b>	<b>207.585.012.762</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		101.399.970.000	101.399.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		101.399.970.000	101.399.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.088.794.660	36.024.541.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.919.803.040	70.210.500.788
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		69.401.995.416	69.139.622.683
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		517.807.624	1.070.878.105
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>302.026.492.942</b>	<b>300.866.910.078</b>

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	98.908.925.645	86.110.209.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	4.350.000	3.978.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.3	98.904.575.645	86.106.231.715
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	90.653.094.978	77.777.202.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.251.480.667	8.329.029.353
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	2.984.964.559	7.248.487.173
7. Chi phí tài chính	22	6.6	1.684.208.681	2.719.630.179
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.684.208.681	2.719.630.179
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	1.342.728.145	1.482.233.592
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.691.700.776	7.965.007.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		517.807.624	3.410.644.955
11. Thu nhập khác	31	6.8	-	86.363.636
12. Chi phí khác	32	6.8	-	104.143.353
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	-	(17.779.717)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		517.807.624	3.392.865.238
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		517.807.624	3.392.865.238

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		517.807.624	3.392.865.238
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.971.878.070	5.207.610.233
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.984.374.891)	(7.334.850.809)
- Chi phí lãi vay	06		1.684.208.681	2.719.630.179
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		5.189.519.484	3.985.254.841
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.679.300.661	16.658.113.511
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.958.969.010)	(19.150.246.981)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.711.629.504)	(9.347.098.071)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(274.817.948)	(1.254.234.522)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.703.871.077)	(2.799.859.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(362.357.363)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(916.816.000)	(1.354.653.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.697.283.394)	(13.625.080.951)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(52.000.000)	(60.563.823.023)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	136.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.604.333.795	23.088.947.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.552.333.795	(37.338.511.940)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		72.098.739.604	142.230.559.110
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(67.778.357.172)	(102.000.469.011)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.320.382.432	40.222.290.099
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		175.432.833	(10.741.302.792)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	2.258.246.987	15.436.668.446
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	2.433.679.820	4.695.365.654

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Nga



Vũ Thị Nga



Nguyễn Văn Cường

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SADICO Cần Thơ là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 đăng ký lần đầu ngày 27/6/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 10/01/2025 là: 101.399.970.000 VND (Bằng chữ: Một trăm lẻ một tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SADICO CAN THO JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: SADICO CAN THO.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch trên sàn HNX (tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Mã cổ phiếu: SDG.

Trụ sở chính của Công ty: 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là 224 người (tại ngày 01/01/2025 là 256 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/6/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Sadico - Công ty con trực tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất xi măng, thạch cao	51,06%	51,06%	51,06%
<b>Công ty con của Công ty Cổ phần Xi Măng Tây Đô - Công ty con gián tiếp</b>						
1	Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	68,52%	68,52%	34,99%
2	Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô	Km 14, Quốc Lộ 91, Phường Phước Thới, Thành Phố Cần Thơ, Việt Nam	Cung ứng lao động tạm thời	90,50%	90,50%	46,21%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào các Công ty con và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát và các Công ty đầu tư khác mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con và các Công ty đầu tư khác sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào các Công ty con và các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các Công ty con và đầu tư vào các Công ty khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Tiền thuê đất và chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc trả trước***

Tiền thuê đất là khoản tiền Công ty thuê đất của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm cháy nổ là khoản chi bắt buộc cho hoạt động sản xuất của Công ty. Các chi phí trả trước này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng trong 12 tháng.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả khác trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu gồm:

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; Không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán, thành phẩm và giá vốn khác là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, thành phẩm và khác trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình dân dụng, sản xuất bao bì và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.433.679.820	2.258.246.987
<b>Tổng</b>	<b>2.433.679.820</b>	<b>2.258.246.987</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/06/2025 (VND)</b>		<b>01/01/2025 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,1 đến 4,7%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi với số tiền 30.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Cần Thơ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>1. Đầu tư vào Công ty con</b>						
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	51,06%	51,06%	53.251.820.004	(i)	53.251.820.004	(i)
<b>2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	7,75%	7,75%	4.233.515.158	(i)	4.233.515.158	(i)
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang	0,28%	0,28%	2.682.621.200	(i)	2.682.621.200	(i)
			1.550.893.958	(i)	1.550.893.958	(i)
<b>Tổng</b>			<b>57.485.335.162</b>		<b>57.485.335.162</b>	

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	25.521.891.048	17.438.716.800
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	6.900.000.000	7.900.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	2.480.485.680	4.960.875.360
Công ty TNHH Công nghiệp Bao C.P. (Việt Nam)	5.181.328.188	6.605.148.988
Công ty CP Đầu tư SX và Xuất nhập khẩu Sài Gòn	4.573.135.900	10.823.952.370
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	4.499.999.920	4.499.999.920
Công ty TNHH XD TM VT Phan Thành	176.000.000	176.000.000
Các đối tượng phải thu còn lại	13.980.176.080	15.715.423.504
<b>Tổng</b>	<b>63.313.016.816</b>	<b>68.120.116.942</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>25.521.891.048</i>	<i>17.438.716.800</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

Toàn bộ nợ phải thu của khách hàng tại ngày 30/6/2025 có giá trị ghi sổ là 63.313.016.816 VND (tại ngày 01/01/2025 là 68.120.116.942 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số 5.16).

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Chemical Trading Vietnam	675.675.000	30.374.750
Windmoller and Holscher Machinery K.S.	1.390.533.472	20.331.920
Các đối tượng khác	1.168.114.812	885.975.037
<b>Tổng</b>	<b>3.234.323.284</b>	<b>936.681.707</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	2.811.601.460	-	1.819.328.064	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	371.860.274	-	991.819.178	-
Phải thu tiền thù lao HĐQT, BKS	300.000.000	-	680.000.000	-
Phải thu khác	159.900.000	(159.900.000)	159.900.000	(159.900.000)
<b>Tổng</b>	<b>3.643.361.734</b>	<b>(159.900.000)</b>	<b>3.651.047.242</b>	<b>(159.900.000)</b>

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)			
Đối tượng	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Số năm quá hạn	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
<b>A. Phải thu khách hàng</b>		<b>14.414.585.200</b>	<b>(9.710.226.496)</b>	<b>4.513.688.984</b>		<b>15.964.515.040</b>	<b>(9.710.226.496)</b>	<b>5.863.618.824</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-	> 3 năm	4.499.999.920	(4.499.999.920)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	Từ 1 - 3 năm	6.900.000.000	(4.017.672.040)	2.882.327.960	Từ 1 - 3 năm	7.900.000.000	(4.017.672.040)	3.882.327.960
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Từ 6 tháng - 2 năm	2.480.485.680	(849.124.656)	1.631.361.024	Từ 6 tháng - 1 năm	2.830.415.520	(849.124.656)	1.981.290.864
Các đối tượng còn lại nhỏ hơn 10%	> 3 năm	534.099.600	(343.429.880)	-	> 3 năm	734.099.600	(343.429.880)	-
<b>B. Phải thu khác</b>		<b>159.900.000</b>	<b>(159.900.000)</b>	<b>-</b>		<b>159.900.000</b>	<b>(159.900.000)</b>	<b>-</b>
Bà Nguyễn Hoàng Yến	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-	> 3 năm	159.900.000	(159.900.000)	-
<b>Tổng</b>		<b>14.574.485.200</b>	<b>(9.870.126.496)</b>	<b>4.513.688.984</b>		<b>16.124.415.040</b>	<b>(9.870.126.496)</b>	<b>5.863.618.824</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.7 Hàng tồn kho**

30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Nguyên liệu, vật liệu	18.023.813.293	-	12.905.415.089
Công cụ, dụng cụ	8.124.621.922	-	8.288.587.261
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.060.797.173	-	5.430.657.206
Thành phẩm	17.218.395.359	-	17.764.419.703
<b>Tổng</b>	<b>52.427.627.747</b>	<b>-</b>	<b>44.389.079.259</b>

Toàn bộ nguyên vật liệu, thành phẩm tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày 30/06/2025 là 35.242.208.652 VND (tại ngày 01/01/2025 là 30.669.834.792 VND) đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (xem tại thuyết minh 5.16).

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>973.475.850</b>	<b>576.261.725</b>
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng	510.344.955	-
Bảo hiểm	240.507.084	129.089.528
Công cụ, dụng cụ	-	73.991.366
Chi phí chờ phân bổ khác	222.623.811	373.180.831
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.837.651.145</b>	<b>2.960.047.322</b>
Sửa chữa	2.821.119.204	2.058.139.456
Chi phí chờ phân bổ khác	16.531.941	901.907.866
<b>Tổng</b>	<b>3.811.126.995</b>	<b>3.536.309.047</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2025	32.424.707.650	193.074.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.358.010.305
Tăng trong kỳ	-	52.000.000	-	-	52.000.000
Mua trong kỳ	-	52.000.000	-	-	52.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	32.424.707.650	193.126.025.452	11.504.399.526	354.877.677	237.410.010.305
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2025	27.207.816.035	111.354.196.554	2.975.796.001	185.784.063	141.723.592.653
Tăng trong kỳ	288.740.025	5.352.458.101	318.826.300	11.853.644	5.971.878.070
Khấu hao trong kỳ	288.740.025	5.352.458.101	318.826.300	11.853.644	5.971.878.070
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2025	27.496.556.060	116.706.654.655	3.294.622.301	197.637.707	147.695.470.723
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2025	5.216.891.615	81.719.828.898	8.528.603.525	169.093.614	95.634.417.652
Tại ngày 30/6/2025	4.928.151.590	76.419.370.797	8.209.777.225	157.239.970	89.714.539.582

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 62.205.576.659 VND (tại ngày 01/01/2025: 61.776.461.523 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 73.195.708.866 VND (tại ngày 01/01/2025: 75.418.629.309 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	99.856.000	99.856.000
Số dư tại ngày 30/6/2025	99.856.000	99.856.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2025	99.856.000	99.856.000
Số dư tại ngày 30/6/2025	99.856.000	99.856.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 30/6/2025	-	-

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 99.856.000 VND (tại ngày 01/01/2025 là 99.856.000 VND).

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/6/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng kho nguyên liệu, phân xưởng sản xuất 3 và đường đi	1.173.994.626	204.493.918
<b>Tổng</b>	<b>1.173.994.626</b>	<b>204.493.918</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đức Quân	1.183.166.600	1.183.166.600	945.953.250	945.953.250
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.612.424.738	2.612.424.738	1.710.500.000	1.710.500.000
Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	877.800.000	877.800.000	4.313.925.000	4.313.925.000
Các đối tượng khác	3.562.876.551	3.562.876.551	2.392.813.071	2.392.813.071
<b>Tổng</b>	<b>8.236.267.889</b>	<b>8.236.267.889</b>	<b>9.363.191.321</b>	<b>9.363.191.321</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Đơn vị tính: VND	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ
<b>Phải nộp</b>	01/01/2025	30/6/2025
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	72.329.062	2.004.296.662
Thuế xuất, nhập khẩu	-	852.157.440
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.304.506
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	72.329.062	306.282.786
Các loại thuế khác	-	816.551.930
<b>Phải thu</b>	-	3.000.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	41.307.306
Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	20.425.777
	-	20.881.529

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả lãi vay	52.575.477	72.237.873
Chi phí phải trả khác	484.087.742	951.300.426
<b>Tổng</b>	<b>536.663.219</b>	<b>1.023.538.299</b>

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	70.367.800	163.821.900
Bảo hiểm xã hội	385.207.250	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.751.000	16.751.000
Các khoản phải trả khác	96.950.915	143.653.045
<b>Tổng</b>	<b>569.276.965</b>	<b>324.225.945</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.16 Các khoản vay**

	30/6/2025 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
a.1) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (i)	73.663.125.299	73.663.125.299	72.098.739.604	66.967.357.172	68.531.742.867	68.531.742.867
	73.663.125.299	73.663.125.299	72.098.739.604	58.678.357.172	60.242.742.867	60.242.742.867
	29.111.680.436	29.111.680.436	41.576.171.822	26.133.189.979	13.668.698.593	13.668.698.593
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	14.623.208.154	14.623.208.154	26.680.981.183	28.660.879.062	16.603.106.033	16.603.106.033
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ - Thấu chi (iii)	29.928.236.709	29.928.236.709	3.841.586.599	3.884.288.131	29.970.938.241	29.970.938.241
a.2) Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000	8.289.000.000
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	-	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000	8.289.000.000
	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000
	-	-	-	811.000.000	811.000.000	811.000.000
<b>Tổng</b>	<b>73.663.125.299</b>	<b>73.663.125.299</b>	<b>72.098.739.604</b>	<b>67.778.357.172</b>	<b>69.342.742.867</b>	<b>69.342.742.867</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.16 Các khoản vay (Tiếp theo)**

**(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 15/2024/HĐCVHM/NHCT820-CTY CP SADICO CAN THO ký ngày 07/02/2024. Tổng hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND.

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bao bì.

Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không qua 05 tháng.

Lãi suất vay: Theo từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu của Công ty; Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị.

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025: 29.111.680.436 VND.

**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2025/13791013/HĐTD ký ngày 14/2/2025 Tổng hạn mức cho vay 40.000.000.000 VND

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C.

Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/01/2026.

Lãi suất vay: Được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu của Công ty, hàng tồn kho và máy móc thiết bị.

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025: 14.623.208.154 VND.

**(iii) Vay thấu chi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ**

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 001/2024/13791013/HĐTD ký ngày 21/10/2024. Tổng hạn mức thấu chi 30.000.000.000 VND.

Mục đích vay: Bổ sung vốn ngắn hạn thiếu hụt tạm thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn vay: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 21/10/2025.

Lãi suất vay: 4,6%/năm (được áp dụng tới ngày 21/11/2025) và sau đó được điều chỉnh 01 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng.

Tài sản đảm bảo: Chủ yếu được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu của Công ty, hàng tồn kho và máy móc thiết bị.

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2025: 29.928.236.709 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	69.139.622.683	206.514.134.657
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.070.878.105	1.070.878.105
Số dư tại ngày 31/12/2024	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	70.210.500.788	207.585.012.762
Số dư tại 01/01/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.024.541.974	70.210.500.788	207.585.012.762
Lãi trong kỳ này	-	-	-	517.807.624	517.807.624
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	64.252.686	(64.252.686)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(64.252.686)	(64.252.686)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(680.000.000)	(680.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025	101.399.970.000	(50.000.000)	36.088.794.660	69.919.803.040	207.358.567.700

(i) Trong kỳ, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/6/2025 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 6% lợi nhuận sau thuế	: 64.252.686
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 6% lợi nhuận sau thuế	: 64.252.686
• Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	: 680.000.000

Công ty chưa ghi nhận cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2025 do chưa có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	Ngày 30/6/2025			Ngày 01/01/2025		
	Tỷ lệ	Giá trị cổ phần		Tỷ lệ	Giá trị cổ phần	
		Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	tính theo mệnh giá (VND)		Số cổ phiếu (Cổ phiếu)	tính theo mệnh giá (VND)
Bà Phạm Thị Thúy	22,70%	2.301.692	23.016.920.000	22,70%	2.301.692	23.016.920.000
Bà Phạm Thị Thêu	22,26%	2.257.000	22.570.000.000	22,26%	2.257.000	22.570.000.000
Ông Bùi Văn Tùng	19,31%	1.957.879	19.578.790.000	19,31%	1.957.879	19.578.790.000
Bà Trương Thị Phương Thúy	14,74%	1.495.044	14.950.440.000	14,74%	1.495.044	14.950.440.000
Ông Mai Công Toàn	9,39%	952.100	9.521.000.000	9,39%	952.100	9.521.000.000
Các cổ đông cá nhân khác	11,60%	1.176.282	11.762.820.000	11,60%	1.176.282	11.762.820.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>10.139.997</b>	<b>101.399.970.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.139.997</b>	<b>101.399.970.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Vốn góp đầu kỳ	101.399.970.000	101.399.970.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	101.399.970.000	101.399.970.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.139.997	10.139.997
Cổ phiếu phổ thông	10.139.997	10.139.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ của Công ty**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.088.794.660	36.024.541.974
<b>Tổng</b>	<b>36.088.794.660</b>	<b>36.024.541.974</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ**

**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2025	01/01/2025
Tiền Đô La Mỹ (USD)	229,89	229,89
Tiền Việt Nam (VND)	5.921.966	5.332.298

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái (i)	80.640.710	80.640.710
Các đối tượng khác (ii)	840.899.991	840.899.991
<b>Tổng</b>	<b>921.540.701</b>	<b>921.540.701</b>

(i) Nguyên nhân xóa nợ: Không còn đóng tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được.

(ii) Nguyên nhân xóa nợ: Không có khả năng thu hồi.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	255.000.000	774.400.000
Doanh thu bán thành phẩm	98.539.380.191	85.131.908.454
Doanh thu khác	114.545.454	203.901.261
<b>Tổng</b>	<b>98.908.925.645</b>	<b>86.110.209.715</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giảm giá hàng bán	4.350.000	3.978.000
<b>Tổng</b>	<b>4.350.000</b>	<b>3.978.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa	255.000.000	774.400.000
Doanh thu bán thành phẩm	98.535.030.191	85.127.930.454
Doanh thu khác	114.545.454	203.901.261
<b>Tổng</b>	<b>98.904.575.645</b>	<b>86.106.231.715</b>
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>22.663.184.600</i>	<i>13.353.998.000</i>

**6.4 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa	251.500.000	768.350.000
Giá vốn bán thành phẩm	90.383.569.968	77.003.427.359
Giá vốn khác	18.025.010	5.425.003
<b>Tổng</b>	<b>90.653.094.978</b>	<b>77.777.202.362</b>
<i>Trong đó: Giá vốn với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>655.435.184</i>	<i>427.912.037</i>

**6.5 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi	684.490.091	972.560.173
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.299.884.800	6.275.927.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	589.668	-
<b>Tổng</b>	<b>2.984.964.559</b>	<b>7.248.487.173</b>

**6.6 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí lãi vay	1.684.208.681	2.719.630.179
<b>Tổng</b>	<b>1.684.208.681</b>	<b>2.719.630.179</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.342.728.145</b>	<b>1.482.233.592</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.334.597.451	1.327.349.421
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	-	15.959.327
Chi phí bằng tiền khác	8.130.694	138.924.844
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>7.691.700.776</b>	<b>7.965.007.800</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.982.851.981	5.256.605.668
Chi phí vật liệu quản lý	-	26.427.360
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.334.188	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.495.800	488.908.950
Thuế phí và lệ phí	207.217.985	525.059.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.814.314	734.049.840
Chi phí bằng tiền khác	1.492.986.508	933.956.369
<b>Tổng</b>	<b>9.034.428.921</b>	<b>9.447.241.392</b>

**6.8 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	86.363.636
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	-	-
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>86.363.636</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	-	104.143.353
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>104.143.353</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>-</b>	<b>(17.779.717)</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.755.511.221	67.166.797.087
Chi phí nhân công	17.837.455.280	17.937.507.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.971.878.070	5.207.610.233
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.140.089.412	9.872.780.987
Chi phí khác bằng tiền	1.602.330.281	1.292.995.914
<b>Tổng</b>	<b>106.307.264.264</b>	<b>101.477.692.139</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>517.807.624</b>	<b>3.392.865.238</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>2.299.884.800</i>	<i>6.275.927.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>2.299.884.800</i>	<i>6.275.927.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.782.077.176)</b>	<b>(2.883.061.762)</b>
Chuyển lỗ của các năm trước	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>(1.782.077.176)</b>	<b>(2.883.061.762)</b>
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các khoản khoản cam kết**

**Tài sản thuê ngoài:**

**Tổng số tiền tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:**

	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 01 năm trở xuống	1.020.689.913	1.020.689.822
Trên 01 năm đến 5 năm	130.088.023	647.819.020
<b>Tổng</b>	<b>1.150.777.936</b>	<b>1.668.508.842</b>

**Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động nêu trên bao gồm:**

- Diện tích 19.700 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 579.590.323 VND/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 1.222,8 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 133.031.808 VND/năm. Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 18 năm tính từ ngày 31/7/2008 đến 31/7/2026.
- Diện tích 2.948,2 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 19 và 51, tờ bản đồ số 36 và 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 106.977.024 VND/năm. Hợp đồng thuê đất số 33/HĐTĐ-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 26/11/2001 đến 26/11/2026.
- Diện tích 7.752,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 37, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 201.090.758 VND/năm. Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTĐ-2020 ngày 03/9/2020, thời hạn 25 năm tính từ ngày 16/8/2001 đến 16/8/2026.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô  
Công ty Cổ phần Truyền Thông Xi măng Tây Đô  
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô  
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô  
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát,  
Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và  
các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này

**Mối quan hệ**

Công ty con  
Cùng Chủ tịch  
Cùng Chủ tịch  
Cùng Chủ tịch

Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

- a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
- a.1 Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Mai Công Toàn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Đỗ Hữu Hường	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Ngừ	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Ông Phạm Ngọc Khanh	Nguyên thành viên HĐQT	-	30.000.000
Ông Mai Công Quyết	Nguyên thành viên HĐQT	-	30.000.000
<b>Tổng</b>		<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>

a.2 Thù lao của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
Ông Vũ Xuân Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Như Tiến	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Đoàn Khuê	Nguyên thành viên Ban Kiểm soát	-	15.000.000
Ông Bùi Vũ Phúc	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>120.000.000</b>	<b>60.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bình Thủy,  
Thành phố Cần Thơ

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô	Công ty con	Phải thu khách hàng	25.521.891.048	17.438.716.800
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô	Cùng Chủ tịch	Phải trả tiền mua hàng	8.000.000	292.551.683
Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô	Cùng Chủ tịch	Phải trả tiền mua hàng	-	203.551.683
			8.000.000	89.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ.

**Người lập biểu**



**Vũ Thị Nga**

**Phụ trách kế toán**



**Vũ Thị Nga**

*Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2025*

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Cường**

